

SCHOOL MASTER - GRADE 2

1. Lợi ích của khóa học:

Củng cố kiến thức tiếng Anh theo chương trình trên trường.
Mở rộng từ vựng qua 16 chủ đề gần gũi.
Phát triển Phonics và khả năng sử dụng các mẫu câu giao tiếp cơ bản.

2. Cấu trúc khóa học:

Gồm 32 Unit, 8 bài ôn tập và các hoạt động Fun Time.
Học từ vựng, Phonics và mẫu câu theo từng chủ đề.
Luyện tập 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết ở mức độ cơ bản.

3. Thời gian học:

Khóa học gồm 96 buổi

4. Hỗ trợ:

Luôn có đội ngũ thầy cô hỗ trợ khi con gặp vướng mắc.

BUỔI HỌC	UNIT/CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG BÀI HỌC
Get Ready 1	Say Hello!	Từ vựng – Greetings: Hello, Hi. Từ vựng – Feelings: happy, sad, angry, sleepy. Ngữ pháp: What's your name?; How are you?
Get Ready 2	Number & Age	Từ vựng – Numbers: 1–10. Ngữ pháp: How old are you?
Get Ready 3	Colourful World	Từ vựng – Colours: red, yellow, blue, green, pink. Ngữ pháp: What colour is this?
Get Ready 4	My School Things	Từ vựng – School things: pen, pencil, ruler, book, rubber. Ngữ pháp: What is this?
Get Ready 5	My Family	Từ vựng – Family members: Mom, Dad, Brother, Sister. Ngữ pháp: Who is this?
Week 1	Unit 1: In the school playground	Từ vựng – School playground: ball, bike, book. Ngữ pháp: Hi, I'm Bill.; Bye, Bill. Phonics: Bb.

Week 2	Unit 2: In the dining room	Từ vựng – Dining room objects: cake, car, cat, cup. Ngữ pháp: I have a car. Phonics: Cc.
Week 3	Review Units 1–2	Ôn tập từ vựng: School playground; Dining room objects. Ôn tập ngữ pháp: chào hỏi, giới thiệu tên; I have... Ôn tập Phonics: Bb, Cc.
Week 4	Unit 3: At the street market	Từ vựng – Street market: apple, bag, can, hat. Ngữ pháp: This is my bag. Phonics: Aa.
Week 5	Unit 4: In the bedroom	Từ vựng – Bedroom objects: desk, dog, door, duck. Ngữ pháp: This is a dog. Phonics: Dd.
Week 6	Review Units 3–4	Ôn tập từ vựng: Street market; Bedroom objects. Ôn tập ngữ pháp: This is my...; This is a... Ôn tập Phonics: Aa, Dd.
Week 7	Review giữa kì 1 – Lesson 1	Ôn tập từ vựng, ngữ pháp và Phonics: Units 1–4.
Week 8	Review giữa kì 1 – Lesson 2	Ôn tập từ vựng, ngữ pháp và Phonics: Units 1–4.
Week 9 – Test	Test giữa kì 1	Kiểm tra từ vựng, ngữ pháp và Phonics: Units 1–4.
Week 10	Unit 5: At the fish and chip shop	Từ vựng – Food and drinks: chicken, chips, fish, milk. Ngữ pháp: I like milk. Phonics: Ii.
Week 11	Unit 6: In the classroom	Từ vựng – Classroom things: bell, pen, pencil, red. Ngữ pháp: It's a red pen. Phonics: Ee.
Week 12	Review Units 5–6	Ôn tập từ vựng: Food and drinks; Classroom things. Ôn tập ngữ pháp: I like...; It's a... Ôn tập Phonics: Ii, Ee.
Week 13	Unit 7: In the garden	Từ vựng – Garden: garden, gate, girl, goat. Ngữ pháp: There's a garden. Phonics: Gg.
Week 14	Unit 8: In the park	Từ vựng – Body parts and park words: hair, hand, head, horse. Ngữ pháp: Touch your hair. Phonics: Hh.
Week 15	Review Units 7–8	Ôn tập từ vựng: Garden; Body parts and park words. Ôn tập ngữ pháp: There's...; Touch your... Ôn tập Phonics: Gg, Hh.

Week 16	Review cuối kì 1 – Lesson 1	Ôn tập từ vựng, ngữ pháp và Phonics: Units 1–8.
Week 17	Review cuối kì 1 – Lesson 2	Ôn tập từ vựng, ngữ pháp và Phonics: Units 1–8.
Week 18 – Test	Test cuối kì 1	Kiểm tra từ vựng, ngữ pháp và Phonics: Units 1–8.
Week 19	Unit 9: In the shop	Từ vựng – Shop items: clocks, locks, mops, pots. Ngữ pháp: How many clocks? – Two. Phonics: Oo.
Week 20	Unit 10: At the zoo	Từ vựng – Zoo and M words: mango, monkey, mother, mouse. Ngữ pháp: That’s a monkey. Phonics: Mm.
Week 21	Review Units 9–10	Ôn tập từ vựng: Shop items; Zoo and M words. Ôn tập ngữ pháp: How many...?; That’s... Ôn tập Phonics: Oo, Mm.
Week 22	Unit 11: At the bus stop	Từ vựng – Bus stop and actions: bus, run, sun, truck. Ngữ pháp: She’s running.; He’s running. Phonics: Uu.
Week 23	Unit 12: At the lake	Từ vựng – At the lake: lake, leaf, lemons. Ngữ pháp: Look at the lemons. Phonics: Ll.
Week 24	Review Units 11–12	Ôn tập từ vựng: Bus stop and actions; At the lake. Ôn tập ngữ pháp: He’s/She’s...; Look at... Ôn tập Phonics: Uu, Ll.
Week 25	Review giữa kì 2	Ôn tập từ vựng, ngữ pháp và Phonics: Units 9–12.
Week 26 – Test	Test giữa kì 2	Kiểm tra từ vựng, ngữ pháp và Phonics: Units 9–12.
Week 27	Unit 13: In the school canteen	Từ vựng – School canteen food: bananas, noodles, nuts. Ngữ pháp: She’s having noodles. Phonics: Nn.
Week 28	Unit 14: In the toy shop	Từ vựng – Toys: teddy bear, tiger, top, turtle. Ngữ pháp: I can see a tiger. Phonics: Tt.
Week 29	Review Units 13–14	Ôn tập từ vựng: School canteen food; Toys. Ôn tập ngữ pháp: She’s having...; I can see... Ôn tập Phonics: Nn, Tt.
Week 30	Unit 15: At the football match	Từ vựng – F words: face, father, foot, football. Ngữ pháp: Point to your hand. Phonics: Ff.

Week 31	Unit 16: At home	Từ vựng – Home and W words: wash, water, window. Ngữ pháp: How many windows can you see? – I can see six. Phonics: Ww.
Week 32	Review Units 15–16	Ôn tập từ vựng: F words; Home and W words. Ôn tập ngữ pháp: Point to...; How many... can you see? Ôn tập Phonics: Ff, Ww.
Week 33	Review cuối kì 2	Ôn tập từ vựng, ngữ pháp và Phonics: Units 9–16.
Week 34 – Test	Test cuối kì 2	Kiểm tra từ vựng, ngữ pháp và Phonics: Units 9–16.
Summer 1	Review Unit 1	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 1.
Summer 2	Review Unit 3	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 3.
Summer 3	Review Unit 4	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 4.
Summer 4	Review Unit 6	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 6.
Summer 5	Review Unit 8	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 8.
Summer 6	Review Unit 10	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 10.
Summer 7	Review Unit 11	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 11.
Summer 8	Review Unit 12	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 12.
Summer 9	Review Unit 13	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 13.
Summer 10	Review Unit 14	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 14.
Summer 11	Review Unit 15	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 15.
Summer 12	Review Unit 16	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 16.
Get Ready 1	Playtime!	Từ vựng – Toys: car, ball, doll, boat, puzzle. Ngữ pháp: What is this? – It's a/an...
Get Ready 2	On my farm	Từ vựng – Farm animals: cow, chicken, duck, goat, horse. Ngữ pháp: Is it a...? – Yes, it is/No, it isn't.
Get Ready 3	My Face	Từ vựng – Face parts: eye(s), ear(s), nose, mouth, head. Ngữ pháp: What is this? – This is...; What are these? – These are...
Get Ready 4	I like bananas	Từ vựng – Food: banana, cake, ice cream, pizza, spaghetti. Ngữ pháp: What do you like? – I like...
Get Ready 5	Action	Từ vựng – Action verbs: run, fly, walk, swim, climb. Ngữ pháp: What can you do? – I can...; I can't...
Week 35	Unit 17: At my birthday party	Từ vựng – Party food: pasta, popcorn, pizza. Ngữ pháp: The pasta is yummy. Phonics: Pp.

Week 36	Unit 18: In the backyard	Từ vựng – Backyard objects: kite, bike, kitten. Ngữ pháp: Is he/she flying a kite? – Yes, he/she is/No, he/she isn't. Phonics: Kk.
Week 37	Review Units 17–18	Ôn tập từ vựng: Party food; Backyard objects. Ôn tập ngữ pháp: ... is yummy; Is he/she...? Ôn tập Phonics: Pp, Kk.
Week 38	Unit 19: At the seaside	Từ vựng – Seaside: sail, sand, sea. Ngữ pháp: Let's look at the sea! Phonics: Ss.
Week 39	Unit 20: In the countryside	Từ vựng – Countryside: rainbow, river, road. Ngữ pháp: What can you see? – I can see a rainbow. Phonics: Rr.
Week 40	Review Units 19–20	Ôn tập từ vựng: Seaside; Countryside. Ôn tập ngữ pháp: Let's...; What can you see? Ôn tập Phonics: Ss, Rr.
Week 41	Review giữa kì 1 – Lesson 1	Ôn tập từ vựng, ngữ pháp và Phonics: Units 17-20
Week 42	Review giữa kì 1 – Lesson 2	Ôn tập từ vựng, ngữ pháp và Phonics: Units 17-20
Week 43 – Test	Test giữa kì 1	Kiểm tra từ vựng, ngữ pháp và Phonics: Units 17–20.
Week 44	Unit 21: In the classroom	Từ vựng – Classroom and Q words: question, square, quiz. Ngữ pháp: What's he/she doing? – He's/She's doing a quiz. Phonics: Qq.
Week 45	Unit 22: On the farm	Từ vựng – X words: box, fox, ox. Ngữ pháp: Is there a fox? – Yes, there is/No, there isn't. Phonics: Xx.
Week 46	Review Units 21-22	Ôn tập từ vựng: Classroom and Q words; X words. Ôn tập ngữ pháp: What's he/she doing?; Is there...? Ôn tập Phonics: Qq, Xx.
Week 47	Unit 23: In the kitchen	Từ vựng – Kitchen food: juice, jelly, jam. Ngữ pháp: Pass me the jam, please. – Here you are. Phonics: Jj.
Week 48	Unit 24: In the village	Từ vựng – Village and V words: village, van, volleyball. Ngữ pháp: Can you draw a van? – Yes, I can/No, I can't. Phonics: Vv.
Week 49	Review Units 23-24	Ôn tập từ vựng: Kitchen food; Village and V words. Ôn tập ngữ pháp: yêu cầu lịch sự; Can you...? Ôn tập Phonics: Jj, Vv.

Week 50	Review cuối kì 1 – Lesson 1	Ôn tập từ vựng, ngữ pháp và Phonics: Units 17-24
Week 51	Review cuối kì 1 – Lesson 2	Ôn tập từ vựng, ngữ pháp và Phonics: Units 17-24
Week 52– Test	Test cuối kì 1	Kiểm tra từ vựng, ngữ pháp và Phonics: Units 17-24
Week 53	Unit 25: In the grocery store	Từ vựng – Grocery items and Y words: yogurt, yams, yo-yos. Ngữ pháp: What do you want? – I want some yams. Phonics: Yy.
Week 54	Unit 26: At the zoo	Từ vựng – Zoo and Z words: zoo, zebu, zebra. Ngữ pháp: Do you like the zoo? – Yes, I do/No, I don't. Phonics: Zz.
Week 55	Review Units 25–26	Ôn tập từ vựng: Grocery items; Zoo animals. Ôn tập ngữ pháp: What do you want?; Do you like...? Ôn tập Phonics: Yy, Zz.
Week 56	Unit 27: In the playground	Từ vựng – Playground actions: sliding, riding, driving. Ngữ pháp: They're driving cars. Phonics: i.
Week 57	Unit 28: At the café	Từ vựng – Café food and objects: grapes, cake, table. Ngữ pháp: The cake is on the table.; The grapes are on the table. Phonics: a.
Week 58	Review Units 27-28	Ôn tập từ vựng: Playground actions; Café food and objects. Ôn tập ngữ pháp: They're...; ... is/are on the table. Ôn tập Phonics: i, a.
Week 59	Review giữa kì 2	Ôn tập từ vựng, ngữ pháp và Phonics: Units 25-28
Week 60 – Test	Test giữa kì 2	Kiểm tra từ vựng, ngữ pháp và Phonics: Units 25-28
Week 61	Unit 29: In the maths class	Từ vựng – Numbers: eleven, thirteen, fourteen, fifteen. Ngữ pháp: What number is it? – It's eleven. Phonics: n.
Week 62	Unit 30: At home	Từ vựng – Family members: brother, sister, grandmother. Ngữ pháp: How old is your brother? – He's nineteen. Phonics: er.
Week 63	Review Units 29-30	Ôn tập từ vựng: Numbers; Family members. Ôn tập ngữ pháp: What number is it?; How old is...? Ôn tập Phonics: n, er.
Week 64	Unit 31: In the clothes shop	Từ vựng – Clothes: shirts, shoes, shorts. Ngữ pháp: Where are the shoes? – Over there. Phonics: sh.

Week 65	Unit 32: At the campsite	Từ vựng – Campsite objects: tent, teapot, blanket. Ngữ pháp: Is the blanket near the tent? – No, it isn't. It's in the tent. Phonics: t.
Week 66	Review Units 31-32	Ôn tập từ vựng: Clothes; Campsite objects. Ôn tập ngữ pháp: Where are...?; Is... near...? Ôn tập Phonics: sh, t.
Week 67	Review cuối kì 2	Ôn tập từ vựng, ngữ pháp và Phonics: Units 25-32
Week 34 – Test	Test cuối kì 2	Kiểm tra từ vựng, ngữ pháp và Phonics: Units 25-32
Summer 1	Review Unit 1	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 1.
Summer 2	Review Unit 3	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 3.
Summer 3	Review Unit 4	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 4.
Summer 4	Review Unit 6	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 6.
Summer 5	Review Unit 8	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 8.
Summer 6	Review Unit 10	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 10.
Summer 7	Review Unit 11	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 11.
Summer 8	Review Unit 12	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 12.
Summer 9	Review Unit 13	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 13.
Summer 10	Review Unit 14	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 14.
Summer 11	Review Unit 15	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 15.
Summer 12	Review Unit 16	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 16.